

SỐ 761

PHẬT THUYẾT PHÁP TẬP KINH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà an tọa trên đài Diệu bảo nơi lầu gác thù thắng, thuộc pháp giới sai biệt trong hư không giới. Những nơi đó đều thanh tịnh, đẹp đẽ. Do phước trí trang nghiêm như ý của Phật hóa hiện, vượt ngoài sự tính toán, suy lường, ví dụ của pháp hữu vi trong ba cõi, do phước báo của chư Phật, Như Lai hóa hiện, cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo những vị chứng đắc A-la-hán, đạt bốn Vô ngại giải thoát; các Đại Bồ-tát, những người thanh tịnh, đạt cảnh giới của Tam-muội Thường vô thường, quán hành xứ của trí Nhất thiết trí, đạt pháp giới giải thoát vô trung, vô biên, đầy đủ các hạnh nguyện, sức tự tại của Bồ-tát, trang nghiêm bằng mười công đức cùng tận, đủ tất cả Tam-muội, Đà-la-ni của Bồ-tát, bốn Trí vô ngại và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già oai đức rộng lớn, các vị Thiên chủ Thích Đề-hoàn nhân, Phạm thiên, Tứ thiên vương cùng trăm ngàn quyến thuộc.

Khi ấy, Phật thuyết kinh Nhập Nhất Thiết Tu Hành Thứ Đệ Pháp Môn (*Thâm Nhập Thứ Tự Của Pháp Môn Tu Hành*). Đó là người thấy các bậc Hiền thánh phát lòng tin, đạt lòng tin thì thành tựu ý nguyện. Người đạt pháp thiện như ý thì thành tựu tâm bất đoạn. Người đạt tâm bất đoạn thì thành tựu tâm nghĩa. Người đạt tâm nghĩa thì thành tựu tâm tăng thượng. Người Bồ thí ba-la-mật thì được giàu có. Người tu Giới ba-la-mật thì thành tựu quả báo nơi cõi trời, người. Người tu Nhẫn nhục ba-la-mật thì được mọi sự thanh tịnh. Người tu Tinh tấn ba-la-mật thì được tất cả pháp Phật. Người tu Thiền ba-la-mật thì điều phục được tâm. Người tu Trí ba-la-mật thì vượt khỏi thế gian. Người tu Phương tiện ba-la-mật thì được phương tiện vô ngại. Người tu Nguyện ba-la-mật thì được mọi sự như ý. Người tu Lực ba-la-mật thì không gì có thể hủy hoại. Người tu Trí ba-la-mật thì làm nơi nương tựa cho thế gian. Người xuất gia là mong thành tựu Thánh đạo. Mặc áo hoại sắc là xa lìa mọi việc thế gian. Khất thực là để trừ bỏ tâm kiêu mạn. Sống nơi vắng lặng thì được vô úy. Nhập định thì thành tựu vô lượng thần thông. Nghe pháp thực hành thì được bốn Vô ngại. Tu niệm phương tiện thì thành tựu Đà-la-ni. Tu ý phương tiện thì được pháp trí sai biệt. Tu hành kiên cố thì ở trong đại chúng không lo sợ. Tu thích giảng thuyết phương tiện thì nói năng không nhầm. Tu ấm phương tiện thì được trí sai biệt. Tu giới phương tiện thì được trí sai biệt vi tế. Tu nhập phương tiện thì trong ngoài tâm không mê hoặc. Tu đế phương tiện thì

không đối gạt chúng sinh. Tu niệm xứ phương tiện thì thuận theo mọi ý Phật. Tu chỉ phương tiện thì được tâm tịch tĩnh. Tu quán phương tiện thì điều phục được tâm. Tu tâm không cao ngạo thì thành tựu hoàn toàn Nhất thiết trí. Tu tâm không kiêu mạn thì đạt được kính tín. Tu không đối gạt chúng sinh thì được mọi người tin. Tu trí kiên cố thì đủ các hạnh trời, người. Thực hành pháp thì đầy đủ các pháp của Thiện tri thức. Tự suy xét thì tự nhiên giác ngộ, hàng phục tâm thì được thật nghĩa của Pháp vương. Không tiếc thân mạng để tu tập thì được thân Phật. Tâm luôn kính Tam bảo thì được trí lực vô ngại. Thực hành phương tiện thiện xảo thì được trí lực, nghiệp báo. Không hủy phạm trí người thì được trí lực hiểu các căn lợi, độn. Tu trí hiểu rõ nhân duyên vi tế thì được trí lực hiểu các loại. Dựa theo Tam bảo giáo hóa chúng sinh thì được trí lực tín dục, dù ở đâu cũng không mất uy nghi. Bình đẳng thuyết pháp cho chúng sinh thì được trí lực truyền đạo khắp mọi nơi. Giáo hóa chúng sinh tu thiện thì được trí lực Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, biết rõ như, sạch. Thực hành chánh đạo và giảng thuyết cho chúng sinh tà kiến thì được trí lực Thiên nhãn. Làm cho chúng sinh được chánh niệm thì được trí lực tức mạng. Chúng sinh được pháp bạch tịnh thì được trí lực lậu tận. Nghe hiểu giáo pháp, chỉ dạy chúng sinh thì ở trong chúng có oai đức không lo sợ.

Lúc Phật thuyết giảng kinh Nhập Nhất Thiết Tu Hành Thứ Đệ Pháp Môn này, trong đại chúng có hai vị Bồ-tát tên Vô Sở Phát và Phấn Tấn Tuệ cùng quyến thuộc ngồi trên lầu báu khác. Hai vị tự nghĩ: “Chúng ta nên thuyết pháp rộng lớn cho các Đại Bồ-tát.” Sau đó Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ hỏi Đại Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Thiện nam! Làm sao các Đại Bồ-tát biết được sự ra đời, thân chân thật, nhân duyên thành tựu quả Phật, sự thường trụ đích thực, sự nhập Niết-bàn, các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri? Làm sao các Đại Bồ-tát biết được pháp thí dụ tương ứng, có bao nhiêu Đức Phật, chư Phật. Như Lai dựa nơi ngôn từ để thuyết pháp, nghĩa không, sự rỗng lặng của đối pháp, giảng thuyết tánh không, thật nghĩa của Pháp sư, ví dụ tương ứng của Pháp sư, pháp bất cộng trú, sự ứng hóa, quả báo thắng diệu do căn lành? Thiện nam! Làm sao các Đại Bồ-tát biết do căn lành vô lậu đạt được quả báo thù thắng?

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Phát đáp lời Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ rằng:

–Thiện nam! Ông thật khéo nêu hỏi những pháp thâm diệu này. Thiện nam! Đây pháp môn tập hợp các pháp rất quảng đại thù thắng. Thiện nam! Ông hãy lắng nghe! Tôi sẽ nương nơi thân lực của Phật mà thuyết giảng. Thế nào là pháp môn tập hợp các pháp quảng đại?

Thiện nam! Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự ra đời của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Do xa lìa tâm phân biệt nên sinh ra.
2. Chuyển hết thấy thân của tâm, ý, ý thức nên được tịch tĩnh.
3. Vì tất cả sự sinh diệt mà thị hiện sinh diệt.
4. Theo hạnh quá khứ mà thực hành quả báo.
5. Đạt chỗ vô chướng ngại nơi các tập nghiệp trong pháp giới mà tạo nghiệp.
6. Nhờ đặt mười đại nguyện lên trên nên đầy đủ sự trang nghiêm trong trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp.
7. Được sự gia hộ của chư Phật, Như Lai nên nói là chư Phật gia hộ.
8. Vì giáo hóa tất cả chúng sinh có căn lành nên tạo các nghiệp.
9. Do sức Từ bi mà tạo phương tiện giáo hóa chúng sinh, luôn hộ trì, cổ động tâm

tánh chúng sinh có căn lành nên được tâm sâu xa.

10. Tùy tâm hạnh sai khác của chúng sinh nên hiện các loại thân.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự hiện sinh của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được thân chân thật của Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Lấy chân thật làm thể vì nó thanh tịnh, không nhơ.
2. Lấy pháp giới làm thể vì không sai biệt.
3. Lấy thật tế làm thể vì nó là cùng khắp.
4. Lấy Không, Vô tướng, Vô nguyện làm thể vì chân thật, tịch tĩnh.
5. Lấy huyễn hóa, sáng nắng, tiếng vang, trăng trong nước, thành ảo, vòng lửa quay làm thể vì theo nhân duyên huyễn hóa mà có.
6. Lấy bất sinh diệt làm thể vì không có vật thật.
7. Lấy tự tánh của các pháp làm thể vì tự tánh trong suốt.
8. Quá khứ không đến vì không gián đoạn.
9. Vị lai không đi vì không hình dáng.
10. Hiện tại không dừng vì quá khứ, vị lai không có.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết thân chân thật của chư Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được nhân duyên vị tha mà thành đạo của Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Do chủng tử không phóng dật nên thành tựu quả nơi pháp thiện.
2. Do có trí tuệ phương tiện nên không lỗi lầm.
3. Nhờ đầy đủ Giới ba-la-mật nên đi đứng tự tại.
4. Vì mạng căn bằng tâm Bồ-đề nên không chết.
5. Dùng chỉ, quán làm tay nên tạo nghiệp tốt đẹp.
6. Tin nghiệp quả làm mắt nên được trí tuệ hiện tiền.
7. Do tu hành thành tựu tất cả Ba-la-mật nên ở nơi vô thượng.
8. Nhờ hành bốn Nhiếp pháp nên tu tập kiên cố.
9. Nhờ tu không tuệ nên không phân biệt.
10. Do tu hành không mỗi mệ, không lo sợ nên không bỏ chúng sinh mà làm tất cả sự việc.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được nhân duyên vị tha mà thành đạo của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự thường trụ chân thật của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Vì không còn lỗi sân hận nên không nắm giữ ngã, ngã sở.
2. Thường là chỗ dựa cho chúng sinh làm pháp lành nên giống như lương y.
3. Do đầy đủ nguyện thiện của quá khứ nên đạt sự không lui sụt.
4. Do Từ bi với chúng sinh nên khéo tạo nghiệp.
5. Vì lòng vị tha nên đem lại lợi ích cho chúng sinh.
6. Quên lợi ích của mình nên chịu khổ thay cho chúng sinh.
7. Không có tâm phân biệt nên xem tướng Niết-bàn, thế gian giống nhau.
8. Làm việc không mệt mỏi nên thành tựu mọi sự.

9. Không còn tâm mong cầu nên không có thân xương thịt.

10. Không có tướng chướng ngại nên thị hiện Niết-bàn khắp mọi nơi.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự thường trụ chân thật của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự nhập diệt của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì?

Đó là:

1. Xa lìa hết phiền não chướng, sở tri chướng.

2. Biết được ngã không, pháp không, tất cả đều vô ngã.

3. Được Pháp thân do chuyển ý sinh.

4. Đối với tất cả chúng sinh làm mọi Phật sự tự nhiên không dừng dứt, đầy đủ trí tuệ.

5. Được tất cả Pháp thân không sai biệt của chư Phật.

6. Không còn hai tâm thế gian, Niết-bàn.

7. Làm thanh tịnh các pháp căn bản.

8. Được trí bất sinh diệt do tu các pháp.

9. Được trí thật tế bình đẳng do các pháp chân thật.

10. Được trí bình đẳng về tánh của các pháp và tánh Niết-bàn.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự nhập diệt của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được chứng đắc Đại Niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Tất cả phiền não đều do nhân mong cầu mà có. Chư Phật không mong cầu nên xa lìa phiền não, do xa lìa phiền não nên chứng đắc Niết-bàn.

2. Vì không mong cầu nên nói Như Lai không giữ một pháp nào, không nắm giữ là không đi, không ở, vì không nắm giữ nên chứng đắc Niết-bàn.

3. Vì sao Như Lai không đi và không trụ? Vì bỏ hai pháp đó nên Pháp thân không hoại diệt, vì không sinh diệt nên chứng đắc Niết-bàn.

4. Vì sao Như Lai không sinh diệt? Vì không thể nêu bày về chư Phật, Như Lai, vì không nêu bày được nên nói Như Lai chứng đắc Niết-bàn.

5. Không có ngã, chúng sinh, tất cả chỉ là pháp sinh diệt, không có pháp để nương tựa nên chứng đắc Niết-bàn.

6. Tất cả các phiền não, tùy phiền não đều là khách trần, pháp tánh thì tịch tĩnh không đến đi, vì vậy pháp tánh chẳng phải khách, chẳng phải chủ, pháp tánh bình đẳng nên Như Lai chứng đắc Niết-bàn.

7. Lấy chân như làm thật thể, nếu không phải giúp chân như thì đều là hư vọng, thật thể là chân như, chân như là Như Lai nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

8. Thật tế thì không hý luận, các pháp khác đều là hý luận, chư Phật Như Lai đạt được thật tế rốt ráo nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

9. Không sinh là thật, pháp sinh diệt khác là lời điên đảo hư vọng, dối gạt. Đức Phật không nói lời giả dối, từ bỏ hư vọng, lấy chân thật làm thể nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

10. Không có pháp thật nào có thể làm hay không làm, Như Lai là Pháp thân chân thật, thân là vô vi nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự chứng đắc Đại Bát-niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được sự nhập diệt của chư Phật, Như Lai. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Bố thí và quả báo của bố thí không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết bố thí và quả báo của bố thí nên xa lìa tâm phân biệt, điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

2. Trì giới và quả báo của trì giới không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết trì giới và quả báo của trì giới nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

3. Nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

4. Tinh tấn và quả báo của tinh tấn không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết tinh tấn và quả báo của tinh tấn, nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

5. Thiền định và quả báo của thiền định không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết thiền định và quả báo của thiền định nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

6. Trí tuệ và quả báo của trí tuệ không có ngã, ngã sở; Như Lai khéo biết trí tuệ và quả báo của trí tuệ nên xa lìa tâm phân biệt điên đảo, do đó Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

7. Tất cả chúng sinh không phải là chúng sinh, tất cả các pháp đều không có ngã; Như Lai xa lìa tất cả các tướng điên đảo và xa lìa tất cả pháp tướng điên đảo, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

8. Có ngã tướng thì có mong cầu, có mong cầu thì có phiền não nhiễm ô, bỏ ngã tướng thì không mong cầu, không mong cầu thì không phiền não nhiễm ô, vì xa lìa phiền não nhiễm ô, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

9. Pháp hữu vi thì suy lường được, pháp vô vi thì không thể suy lường; Như Lai đã xa lìa pháp hữu vi, vô vi, chỉ có Pháp thân vô vi không thể hạn lượng, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

10. Nếu rời bỏ sự rộng lặng thì Như Lai không thấy chúng sinh và pháp. Sự rộng lặng tức là pháp, pháp tức là Pháp thân, Pháp thân tức là Như Lai, nên Như Lai mới gọi là chứng đắc Niết-bàn.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được sự Đại Bát-niết-bàn của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Giữ gìn pháp là giữ gìn pháp thiện thanh tịnh.
2. Giữ gìn chúng sinh là giữ gìn đầy đủ ý nguyện.
3. Không có hai tướng tự lợi, lợi tha, vì cùng hành sự.
4. Như ngọc ma-ni không có phân biệt. Vì không phân biệt pháp giới thanh tịnh nên được an ổn.

5. Chấm dứt mọi sự ràng buộc đau khổ nên được nơi không sợ hãi.

6. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não, oan gia nên ở trong đại chúng luôn có oai

đức, không hề sợ sệt.

7. Không nghi ngờ chánh pháp nên hàng phục được chướng ma.

8. Đạt tâm bình đẳng với chúng sinh nên hiện vô số trăm ngàn vạn ức hóa thân.

9. Được đầy đủ thân thông thanh tịnh nên khéo léo thị hiện các hình sắc.

10. Không gì ngăn ngại là vì được hoàn toàn thanh tịnh như hư không.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được các hạnh của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì? Đó là:

1. Như Lai không nghĩ: Các pháp thế gian có nhiều tội lỗi, Niết-bàn tịch tĩnh thì vô lượng công đức. Như Lai đạt tâm bình đẳng về thế gian và Niết-bàn, không trụ ở thế gian và Niết-bàn vì luôn làm lợi ích cho chúng sinh.

2. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta có thể giáo hóa chúng sinh với trí tuệ điên đảo, đầy dẫy phiền não, tùy phiền não nhiễm ô. Như Lai nương hạnh nguyện từ quá khứ, tùy theo căn tánh, tín tâm của chúng sinh, không phân biệt các hành nên tự nhiên thành tựu.

Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta đã giảng thuyết về Tu-đa-la như thế, Kỳ-dạ như thế, Hòa-già-la-na như thế, Già-đà như thế, Ưu-đà-na như thế, Ni-đà-na như thế, Y-đế-việt-đa-già như thế, Xà-đà-già như thế, Tỳ-phật-lược như thế.

3. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta đã thuyết giảng A-phù-đà-đạt-ma, Như Lai không phân biệt, chúng sinh tùy theo pháp được nghe nên thành tựu.

4. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta vào thành ấp, xóm làng, đất nước lớn nhỏ khát thực, ta đến những nơi của dòng họ Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, quốc vương, vương tử, đại thần, muôn dân, Như Lai lấy trí tuệ làm gốc nên ba nghiệp về thân, khẩu, ý tự nhiên thành tựu.

5. Thiện nam! Như Lai không có đói khát, đại tiểu tiện, thân không bệnh khổ, ốm đau, nhưng vì chúng sinh nên thị hiện khát thực, chúng sinh lại cho rằng Như Lai ăn, kỳ thật Như Lai không ăn, thị hiện việc giáo hóa chúng sinh nhưng không phân biệt, nên tự nhiên thành tựu.

6. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Chúng sinh này có căn tánh thượng, trung, hạ, ta tùy thuận những chúng sinh ấy mà thuyết pháp có thượng, trung, hạ, vì không có tâm phân biệt, nên thuyết pháp tự nhiên thành tựu, không thêm bớt, tùy sự lãnh thọ của chúng sinh.

7. Thiện nam! Như Lai không nghĩ: Ta sẽ không giáo hóa các chúng sinh không cúng dường cung kính, hủy nhục ta; ta sẽ giáo hóa chúng sinh cúng dường cung kính, tán thán, cung phụng ta, vì Tam-muội thanh tịnh và lòng Từ bi che chở chúng sinh nên tự nhiên trụ trong pháp bình đẳng.

8. Thiện nam! Như Lai không có tâm cao thấp, kiêu mạn, ái, tham, hận, tùy tham, chấp trước, chướng ngại, tán loạn, phiền não, sân, si, tùy sân, tùy si. Như Lai tự tịch tĩnh, tịch tĩnh nơi cảnh giới, trụ trong cảnh giới, trụ trong cảnh giới được khen là tịch tĩnh.

9. Thiện nam! Không có một pháp nào mà Như Lai không biết, không hiểu, không giác ngộ, biết hết tất cả các cảnh giới hiện tiền. Như Lai thấy mọi việc đó, thấy chúng sinh tạo nghiệp nên tự nhiên thành tựu.

10. Thiện nam! Thấy chúng sinh tu hành thành tựu, Như Lai không vui và cũng

chẳng buồn khi thấy chúng sinh không tu hành. Như Lai biết chúng sinh tu hành chân chánh không làm chướng ngại tâm đại Bi hiện tiền, chúng sinh tu hành tà hạnh cũng không làm chướng ngại tâm đại Bi hiện tiền.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được các hạnh của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được ví dụ tương ứng của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Mười pháp ấy là gì?

1. Thiện nam! Ví như mặt trời mọc thì đối với chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, tin không tin, cung kính, không cung kính, nó đều mọc lên và chiếu sáng một cách bình đẳng. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng vậy, đối với chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, tin không tin, cung kính, không cung kính, Ngài vẫn bình đẳng xuất hiện, dùng ánh sáng trí tuệ bình đẳng chiếu soi.

2. Thiện nam! Ví như hư không, không chướng ngại nơi chúng sinh, hư không chỉ chướng ngại do mây khói sương mù. Chư Phật Như Lai cũng vậy, không chướng ngại nơi chúng sinh, chúng sinh do bị khách trần phiền não, mây mù ngã kiến che lấp nên không thấy Như Lai, không được hưởng công đức của Như Lai.

3. Thiện nam! Ví như cây tuy có tánh nóng nhưng vì không có nhân duyên nên không thể hiện tác dụng. Chư Phật Như Lai cũng vậy, tuy có vô số thần lực tự tại, nhưng vì chúng sinh không có các duyên tinh tấn, tín... nên chư Phật không xuất hiện ở đời, không làm việc Phật.

4. Thiện nam! Ví như đem các thuốc màu đựng trong một bình để nhuộm các loại áo thì tùy màu nhuộm mà có những cái áo khác màu, nhưng những màu sắc ấy không có tâm phân biệt si khác. Chư Phật Như Lai cũng vậy, trang nghiêm bằng các công đức lành, tùy theo lòng tin... của chúng sinh mà huân tập khác nhau, thấy chư Phật Như Lai thọ hưởng công đức khác nhau, nhưng chư Phật Như Lai không có ý tưởng sai khác.

5. Thiện nam! Ví như nước sông tràn đầy, dù người khen hay chê nó vẫn chảy xuôi dòng, không bao giờ chảy ngược dòng. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người khen hay Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hành pháp trí tuệ, không bao giờ có tâm kiêu mạn.

6. Thiện nam! Ví như cây mía, dù có người có chặt hay không thì vị ngọt của nó không mất. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người gần gũi cung kính, cúng dường hay không, thì hoàn toàn không mất vị giải thoát.

7. Thiện nam! Ví như tánh của đất là yên định, không phân biệt chúng sinh, nếu người muốn có trái cây ăn thì trồng trọt, tùy thời chăm sóc, nhổ cỏ, đến lúc nào đó sẽ được trái cây ăn, nếu không trồng trọt nhổ cỏ thì không bao giờ có trái. Chư Phật Như Lai cũng vậy, thường trụ tịch tĩnh như đất, không phân biệt chúng sinh, nếu chúng sinh nào mong cầu công đức của Phật thì phát lòng tin, cung kính cúng dường, sẽ thành tựu công đức nếu không phát lòng tin, cung kính cúng dường thì không được trái công đức.

8. Thiện nam! Ví như người có chên hương chiên-đàn, long não... sao lại thoa thân thì hương chiên-đàn, long não hoàn toàn không vì thế mà mất mùi thơm. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù người mạ nhục chê trách, rồi lại gần gũi cung kính cúng dường, tu hành đúng pháp thì Như Lai luôn ban bố đầy đủ công đức cho chúng sinh.

9. Thiện nam! Ví như cây cầu, con đường dù là chúng sinh bậc thượng, trung, hạ qua lại thì nó vẫn bình đẳng ở yên, đều đem đến sự an lạc, đi lại không chướng ngại. Chư Phật Như Lai cũng vậy, dù là chúng sinh bậc thượng, trung, hạ tu hành thì Ngài vẫn an trụ bình đẳng không cao thấp, đều đem đến sự an lạc tu hành không chướng ngại.

10. Thiện nam! Ví như trên núi tuyết có cây thuốc hay tên Thiện kiến, ai thấy được cây này sẽ trừ hết mọi bệnh khổ. Chư Phật Như Lai cũng vậy, chúng sinh được gặp Phật sẽ trừ hết mọi bệnh khổ phiền não.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được ví dụ tương ứng của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được chư Phật. Mười pháp ấy là gì? Đó là: Tập Phật, quả báo Phật, Tam-muội Phật, nguyện Phật, tâm Phật, sự chân thật nơi Phật, sự tương đồng của Phật, sự hóa hiện của Phật, cúng dường Phật, hình tượng của Phật.

Thiện nam! Thế nào là tập khí của Phật? Tập khí của Phật là quả báo được thành tựu, từ các Ba-la-mật, nương nơi các Ba-la-mật mà sinh. Đó gọi là Tập khí của Phật.

Thiện nam! Thế nào là quả báo của Phật? Quả báo của Phật là từ tập khí mà sinh ra quả báo Phật, từ quả báo thành tựu Báo thân của Phật, y theo chúng sinh mà trụ, nương vào pháp lực mà trì. Đó gọi là quả báo Phật.

Thiện nam! Thế nào là Tam-muội Phật? Tam-muội Phật là tùy theo Như Lai nhập Tam-muội gì thì nhờ sức của Tam-muội đó mà không có tâm khác, hóa hiện trăm ngàn vạn Phật, nhờ sức giữ gìn của Tam-muội mà thị hiện mọi việc. Đó gọi là Tam-muội Phật.

Thiện nam! Thế nào là nguyện Phật? Nguyện Phật là các vị Bồ-tát phát nguyện như vậy thị hiện đủ loại sắc thân, dùng đủ nhân duyên, giáo pháp để độ chúng sinh, có bao nhiêu loại chúng sinh thì thị hiện bấy nhiêu hình sắc, tướng mạo, oai nghi, qua lại. Nếu chúng sinh thích thân Phật thì thị hiện thân Phật để hóa độ. Đó gọi là nguyện Phật.

Thiện nam! Thế nào là tâm Phật? Tâm Phật là các vị Bồ-tát được tâm tự tại, từ tâm tự tại thành tựu các pháp. Với chúng sinh thích thân Phật, Bồ-tát hóa hiện thân Phật, để mà giáo hóa, tức nơi tâm tự tại, chính là thành tựu thân Phật. Đó gọi là tâm Phật. Lại nữa, này thiện nam! Còn ý nghĩa khác nữa: Chúng sinh nào tự tâm thanh tịnh, thấy, biết, tin Phật, đó gọi là tâm Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự chân thật nơi Phật? Sự chân thật nơi Phật là trừ bỏ vô số phiền não nhiễm ô, không còn trần cấu, luôn được thanh tịnh, thành tựu rốt ráo ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại tướng phu, biểu hiện sắc thân vi diệu của Phật. Đó gọi là sự chân thật của Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự tương đồng của Phật? Sự tương đồng của Phật là cùng nghiệp lực, thọ dụng, ăn uống, đi đứng, tới lui, oai nghi, tiến dừng như chúng sinh. Đó gọi là sự tương đồng của Phật.

Thiện nam! Thế nào là sự hóa hiện nơi Phật? Sự hóa hiện nơi Phật là chư Phật, Như Lai và các Bồ-tát thị hiện mọi sắc thân Tam-muội, thành tựu tự tại đại Từ bi, hóa hiện sắc thân Phật để độ chúng sinh. Đó gọi là sự hóa hiện nơi Phật.

Thiện nam! Thế nào là cúng dường Phật? Cúng dường Phật là người tôn trọng, cúng dường cung phụng Thầy, Hòa thượng như Phật, Thế Tôn, học pháp nơi Thầy, Hòa thượng để thành tựu đầy đủ pháp Phật. Đó gọi là cúng dường Phật.

Thiện nam! Thế nào là hình tượng Phật? Hình tượng Phật là có người nhờ kẻ khác tạo tượng Phật, hoặc tự mình tạo rồi cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, lễ lạy, gần gũi thì nhờ đó thành tựu đầy đủ pháp Phật. Đó gọi là hình tượng Phật.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được mười thứ của Phật.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết được chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri chỉ nương vào ngôn từ để thuyết pháp. Mười pháp ấy là gì? Đó là nói về ấm chỉ là ngôn từ, nói về giới, về nhập, về chúng sinh, về nghiệp, về sinh, về già, về chết, về sự chết rồi lại sinh ra. Nói về Niết-bàn là do xa lánh những việc ấy mà được cũng chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói ấm chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Trong Đệ nhất nghĩa không có sắc ấm. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có sắc ấm thì khi bỏ sắc ấm ấy sẽ là đoạn diệt, bỏ pháp ấy sẽ là giải thoát. Như vậy thì trong Đệ nhất nghĩa có nơi để sắc ấm và giải thoát đi lại, nhưng thật nghĩa không như thế. Cho nên nói sắc ấm chỉ là ngôn từ. Thiện nam! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thiện nam! Trong Đệ nhất nghĩa không có thức ấm. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có thức ấm thì khi bỏ thức ấm sẽ là đoạn diệt, bỏ pháp ấy sẽ là giải thoát. Như vậy thì trong Đệ nhất nghĩa có nơi để thức ấm và giải thoát đi lại, nhưng thật nghĩa không như vậy. Cho nên nói thức ấm là ngôn từ.

Thiện nam! Nghĩa của giới, nhập cũng thế.

Thiện nam! Vì sao nói chúng sinh chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì chỉ là hữu vi, không có chúng sinh. Nếu chúng sinh thật không có đoạn diệt với ấm, nếu đoạn diệt với ấm thì như hư không. Nếu không như vậy thì giống năm ấm, đều là hữu vi, nhưng thật ra thì nghĩa không như vậy. Thiện nam! Vì sao nói nghiệp chỉ là ngôn từ? Vì người tạo nghiệp không phải là có, không phải là không. Nếu sự tạo nghiệp là có thì người tạo nghiệp là không, người tạo nghiệp cũng vậy, như hư không. Lại như ấm, đều là hữu vi. Vì vậy không có người tạo nghiệp và nghiệp được tạo. Như hư không làm sao có người tạo? Vì thế không có người tạo nghiệp. Không có người tạo nghiệp thì làm gì có nghiệp, cho nên nói là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói sinh chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có sinh. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có sinh thì sinh là thường còn, nếu thế thì sinh không phải là sinh. Lại nữa, nếu sinh có khả năng sinh thì sinh có khả năng nào hại rốt cuộc là ai? Cho nên nói sinh chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói già chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có già. Nếu trong Đệ nhất nghĩa không có già thì già không phải một người có. Lại nữa, nếu có già thì lúc trẻ đã có già. Nếu lúc trẻ có già thì không phải lớn mới già. Vì trẻ không già nên lúc trẻ không có già, nếu không có già thì lấy gì gọi là già? Như vậy thì lớn không có già, nếu nói lớn có già thì lúc trẻ đã có già, cho nên nói già chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói chết chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có chết. Nếu trong Đệ nhất nghĩa có chết thì phải là pháp chết, nếu có thì chỉ một người có, còn người khác không chết, nhưng ai cũng chết, vì vậy trong Đệ nhất nghĩa không có pháp chết. Lại nữa, chết từ đâu đến và đi về đâu? Nhưng thể tánh của pháp chết là không vắng lặng, cho nên nói chết chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói chết rồi lại sinh ra chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa, chết thì không sinh. Nếu trong Đệ nhất nghĩa chết rồi lại sinh ra thì chết chính là sinh, sinh chính là chết. Nếu vậy, chết sống chỉ là một. Lại nữa, nếu thế thì phải có hai thân: Chủ thể thác sinh, đã thọ sinh. Nếu có thọ sinh thì có năm ấm thọ sinh. Vì sao? Vì không có năm ấm thì không có thức sinh, vì thức tâm nương các pháp thọ, tưởng, hành sinh ra và tồn tại. Nếu không có chỗ nương thì thức tâm không tồn tại một giây nào, nhưng nó lại tồn tại trên đời rồi thọ sinh, ví như hạt giống sinh ra mầm, cho

nên nói chết rồi lại sinh ra chỉ là ngôn từ.

Thiện nam! Vì sao nói Niết-bàn có được do trừ bỏ mọi việc trên, chỉ là ngôn từ? Thiện nam! Vì trong Đệ nhất nghĩa không có Niết-bàn. Niết-bàn là nhận biết sự vắng lặng của thế gian, mà chẳng phải chính thế gian gọi là Niết-bàn, cũng chẳng phải lìa thế gian mà có Niết-bàn. Thế gian là mộng huyễn, không phải có, không phải không, cũng không phải vừa có vừa không. Nhưng có pháp không phải có không phải không, cũng vừa có vừa không, đó là sinh, là diệt, dập tắt mọi tướng của thế gian gọi là Niết-bàn. Như vậy, tướng giống như dạn nắng, thọ giống như bọt nước. Như dạn nắng và bọt nước kia sinh diệt không thật, thế gian, Niết-bàn cũng vậy. Vì vậy nói thế gian, Niết-bàn chỉ là ngôn từ. Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết được chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chỉ nương vào ngôn từ mà thuyết pháp.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì khéo biết về nghĩa không. Mười pháp ấy là gì? Đó là biết vô ngã, không chúng sinh, không mạng căn, không tuổi thọ, không tạo tác, không sinh diệt, không làm, không dạy dỗ, không tặng thưởng... là không (*rỗng lặng*).

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết vô ngã là không? Thiện nam! Không tức là không phải là có, không phải là không. Nếu sự không ấy là có thì không chính là hữu vi. Nếu thật có thì là thường còn. Nếu không ấy không phải là không thì không chính là không phải không. Vì vậy, không ấy không phải là có, không phải là không, như thế gọi là biết vô ngã là không.

Thiện nam! Vì sao biết không chúng sinh là không? Thiện nam! Chúng sinh không phải là không, không phải là không không. Nếu chúng sinh là không thì nghiệp sát sinh không có tội. Nếu chúng sinh là không không thì là thường còn. Vì vậy, Như Lai nói chúng sinh không phải là thường, không phải là vô thường, không phải hữu vi cũng không phải vô vi, như thế gọi là biết chúng sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không mạng căn là không? Thiện nam! Không là không sống không chết. Vì sao? Vì mắt là không, không có ngã, ngã sở. Vì sao mắt là không, không có ngã, ngã sở? Vì pháp ấy không sinh diệt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân đều là không, không có ngã, ngã sở. Vì sao tai, mũi... là không, không có ngã, ngã sở? Vì pháp ấy không sinh diệt, như thế gọi là biết chúng sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không tuổi thọ là không? Thiện nam! Không thì không đếm vào tuổi thọ, mà ấm, giới, nhập đều là không, từ ấm, giới, nhập mà giả gọi là tuổi thọ. Vì giả danh nên tướng có, không ấy không thể nói được, như thế gọi là biết không tuổi thọ không.

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết không tạo tác là không? Thiện nam! Nếu lìa sự không thì không có một pháp nào gọi là tạo tác và cũng không bao giờ có sự trống không lại có tạo tác, như thế gọi là biết không tạo tác là không.

Thiện nam! Vì sao biết không sinh là không? Thiện nam! Vì pháp không là không sinh, nếu pháp không ấy có sinh thì không phải là không. Như vậy, không ấy chính là không không. Nếu đã có không thì không có pháp không. Lại nữa, nếu sự không ấy vừa sinh thì đã không phải là không, như thế gọi là biết không sinh là không.

Thiện nam! Vì sao biết không diệt là không? Thiện nam! Nếu pháp có sinh thì có diệt, pháp không ấy đã không có sinh làm sao có diệt, như thế gọi là biết không diệt là không?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thiện nam! Vì sao biết không tạo tác là không? Thiện nam! Không tức không phải là người khác làm ra, cũng không phải mình làm ra. Âm, giới, nhập đều là không, từ âm, giới, nhập nên có pháp không, như thế gọi là biết không tạo tác là không.

Thiện nam! Vì sao biết không dạy dỗ là không? Thiện nam! Vì trong không không có người dạy dỗ, làm những việc như vậy, như thế gọi là biết không dạy dỗ là không.

Thiện nam! Vì sao biết không tăng thượng là không? Thiện nam! Vì trong không không có cảnh giới, xa lìa cảnh giới, không có tâm, ý, ý thức, như thế gọi là biết không tăng thượng là không.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành. khéo biết nghĩa không.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì có thể biết tánh không nơi đối pháp. Mười pháp ấy là gì? Đó là các pháp vô minh, ái, nghiệp, thức, thủ, kiến, nghi, tà thủ, mạn, trạo.

Thiện nam! Vô minh có hai công năng: phiền não chướng và sở tri chướng; có bốn nhân: tham cõi Dục, tham cõi Sắc, tham cõi Vô sắc, tham vô hữu.

Thiện nam! Ái có hai nhân: chi hữu căn bản, tư sinh căn bản; có bốn sự tham cầu: dục, sắc, vô sắc, vô hữu.

Thiện nam! Nghiệp có một nhân pháp khởi là tâm; có ba tướng: thân, khẩu, ý nghiệp; có ba quả báo: hắc, bạch, vừa hắc vừa bạch.

Thiện nam! Thức là gì? Là sáu thức: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thức lại có ba loại: niệm điên đảo, niệm không điên đảo, vô niệm.

Thiện nam! Thế nào là niệm điên đảo? Niệm về cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Thế nào là niệm không điên đảo? Niệm về Niết-bàn của Tiểu thừa. Thế nào là vô niệm? Là hai niệm kia là vô niệm. Thế nào là lìa hai niệm kia? Niệm về pháp vô thượng của chư Phật.

Thiện nam! Thủ có bốn nhân: dục, kiến, giới, ngã. Thế nào là kiến thủ? Kiến thủ có hai: tà trí, kiến trí. Tà trí là trí hiểu biết sai lầm. Kiến trí là A-la-hán vọng kiến về Niết-bàn, vọng cầu Niết-bàn. Như vậy, kiến trí là điều mà chư Phật chê trách.

Thiện nam! Thế nào là nghi? Nghi có hai: tạo chướng ngại Đại thừa và chướng ngại nơi chánh vị. Thế nào là nghi làm chướng ngại Đại thừa? Tâm của hàng Thanh văn yếu kém, kinh sợ, mong sớm chứng Niết-bàn theo Tiểu thừa. Vì sao? Vì họ nghĩ: “Con đường giác ngộ dài xa, có vô số hạnh khó đạt nên cầu Thanh văn thừa sớm trừ khổ não.” Do vậy, làm thoái chuyển pháp Đại thừa. Thế nào là nghi làm chướng ngại chánh vị? Vì nghi nên không chứng được chánh vị, không được quả vị trí Đại thừa của Bồ-tát.

Thiện nam! Thế nào là tà thủ? Nghĩa là tu ác hạnh bố thí... để cầu quả báo, nghĩ rằng: “Ta tu các hạnh bố thí, trì giới để được quả báo an vui, thù thắng nơi cõi trời, người.” Mọi sự mong cầu tà vậy đó đều là Tà thủ.

Thiện nam! Thế nào là mạn? Có tâm cao thấp là mạn, người kia thua ta, ta hơn người kia. Tất cả tâm cao thấp, hơn thua đều là mạn.

Thiện nam! Thế nào là trạo? Trạo có hai: sinh ra phiền não, loạn động. Sinh ra phiền não là phân biệt vọng tưởng, cho rằng sắc là thanh tịnh, vì vậy thân, khẩu, ý nghiệp điều điên đảo, nên bị các bậc Thánh chê trách. Thế nào là loạn động? Tâm không an trụ trong pháp Xuất thế gian. Như thế gọi là trạo.

Thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành có thể biết tánh không của đối pháp.

Lại nữa, thiện nam! Đại Bồ-tát thâm nhập mười pháp hành thì biết giảng thuyết về tánh không. Mười pháp ấy là gì? Đó là không phá hoại; không nhiều động; không yêu ghét; không tu hành, chẳng phải không tu hành; không tranh chấp; không thêm bớt; nghe nói tự tánh của các pháp hữu vi là vắng lặng thì nhẫn nhục được; nghe hàng phàm phu không sinh một pháp, chư Phật không diệt một pháp thì không kinh sợ; nghe tánh thế gian, Niết-bàn là bình đẳng thì không nghi ngờ; nghe Diệu thân thường lạc và Pháp thân vô tận của chư Phật thì chánh tín hội nhập sâu xa.

Thiện nam! Vì sao không phá hoại thì có thể giảng nói được tánh không? Thiện nam! Người giảng nói được tánh không là vì pháp của thế gian không thể phá hoại được. Vì sao? Vì tâm không nương tựa trong tám pháp của thế gian: Không lệ thuộc nơi các việc được, mất (*lợi, suy*); không vui buồn trước lời khen tiếng chê; không mừng vui hay buồn rầu trước sự ca ngợi, trách cứ; tâm không cao thấp, không yêu, ghét đối với sự vui, khổ. Các pháp thế gian ấy không thể phá hoại được, như thế gọi là không phá hoại được nên có khả năng giảng nói tánh không.

Thiện nam! Vì sao biết người bị nhiều động thì nói được tánh không? Thiện nam! Người thuyết giảng tánh không thì không chấp giữ và xả bỏ pháp nào, là thấy, biết pháp đó là không. Người không chấp giữ và xả bỏ pháp là người tâm không nhiều động nên nói được tánh không. Người nói được tánh không thì không có pháp nào để yêu ghét. Không yêu ghét pháp nào thì thấy biết pháp đó là không. Nếu yêu ghét pháp nào thì Bồ-tát đó không phải là người thấy biết pháp không.

Thiện nam! Vì sao không tu hành chẳng phải là không tu hành thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thì không có pháp nào là không tu hành, chẳng phải là không tu hành, vì thấy, biết pháp không, tức không phải là không tu hành pháp Trợ Bồ-đề.

Thiện nam! Vì sao người không tranh chấp thì nói được tánh không. Thiện nam! Người nói tánh không mà tranh chấp với chúng sinh thì không phải là người thấy biết pháp không. Vì thế, đối với sự tranh chấp do Bồ-tát thấy biết tánh không nên không tranh chấp.

Thiện nam! Vì sao Bồ-tát biết pháp không thêm bớt thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thấy biết không có pháp nào là tăng, giảm. Nếu còn thấy pháp tăng giảm thì Bồ-tát đó không thấy biết tánh không. Đã thấy biết tánh không thì không thấy pháp có tăng giảm.

Thiện nam! Vì sao nghe tự tánh của pháp hữu vi là vắng lặng mà tâm an ổn nhẫn chịu thì nói được tánh không? Thiện nam! Người nói tánh không thì không thấy pháp nào là sinh diệt.

Thiện nam! Vì sao nghe phàm phu không sinh một pháp, chư Phật không diệt một pháp mà không kinh sợ thì nói được tánh không?

Thiện nam! Người nói tánh không thì không có tâm niệm đây là phàm phu, đây là chư Phật, biết tướng của phàm phu và chư Phật là bình đẳng. Nếu thấy pháp thế gian thấp kém, pháp Phật thù thắng thì Bồ-tát đó không thấy biết tánh không. Nếu nghe phàm phu không sinh một pháp thì chính phàm phu là không, nếu nghe chư Phật không diệt một pháp thì chính chư Phật là không.

Thiện nam! Vì sao nghe tánh thế gian, Niết-bàn bình đẳng mà không nghi ngờ nói được tánh không? Thiện nam! Nếu thấy ngoài tánh thế gian có tánh Niết-bàn thì Bồ-tát đó không thấy tánh không. Biết tánh chân như của thế gian và Niết-bàn chỉ là một

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tướng, tức là tánh vô vi và biết tướng của nó bình đẳng, không cao thấp, nên không nghi ngờ, lo sợ.

Thiện nam! Vì sao nghe nói Diệu thân thường lạc và Pháp thân vô tận của chư Phật mà chánh tín, hội nhập sâu xa thì nói được tánh không?

Thiện nam! Nếu nghĩ thân chư Phật, Như Lai diệt mất thì Bồ-tát đó không thấy, biết tánh không. Vì sao? Vì thân chư Phật, Như Lai là thân Chân như rỗng lặng, chẳng phải thân đầy khách trần phiền não và tùy phiền não. Như vậy gọi là nghe nói về thân thường diệu của Như Lai và Pháp thân vô tận để có thể nói về không.

Này thiện nam! Đây gọi là Bồ-tát biết và nghe nói về Diệu thân thường lạc, Pháp thân vô tận của chư Phật, Như Lai để chánh tín, thể nhập, có thể nói về không.

Thiện nam! Đây gọi là Đại Bồ-tát thể nhập mười tám pháp hành để biết rõ và có khả năng giảng nói về không.

